TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2021
V/v "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đức
Ông Hà Văn Qúy

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1972.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mai C, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Khu Đ, xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Anh B vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Chị C vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Anh Nguyễn Ngọc B là nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2021, bản tự khai ngày 09/7/2021 và ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/8/2021 như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Mai C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 09/02/1995. Thời gian đầu kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày và công việc làm ăn có nhiều bất đồng quan điểm để xây dựng cuộc sống. Năm 2018 vợ chồng sống ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay

anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống hiện tại, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

1.2. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 19/02/1996, Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/7/1998 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 10/3/2001. Cháu H đã xây dựng gia đình, cháu N và cháu T đang làm công nhân và tự lập được cuộc sống tại Hà Nội nên không đề nghị giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Chị Nguyễn Thị Mai C là bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông qua ông Nguyễn Kim C (ông C là bố đẻ chị C) theo quy định của pháp luật gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo; Kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Ông Chi đã nhận và cam kết sẽ thông báo cho chị C biết, chị C đã biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh B và chị C, nhưng vì lý do công việc nên chị C không đến để Tòa án giải quyết vụ án ly hôn được, vợ chồng anh B, chị C đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị C vẫn vắng mặt không có lý do.

3. Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2021 Công an xã H cho biết: Hiện nay chị C vẫn có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Công an xã không tiếp nhận thông tin nào về việc chị Nguyễn Thị Mai C có đăng ký tạm trú ở nơi khác.

4. Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2021 Ủy ban nhân dân xã H cho biết: Vợ chồng anh B, chị C đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Đề nghị căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

5.1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

5.2. Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Xử cho anh Nguyễn Ngọc B được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đã thành niên, có cuộc sống riêng nên các cháu muốn ở với ai thì tùy các cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc B, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ cho chị C các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự vì lý do chị C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt và anh B cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Mai C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có quan điểm của bị đơn đối với nguyên đơn. Anh Nguyễn Ngọc B vắng mặt, tuy nhiên ngày 18/8/2021 anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Mai C và anh Nguyễn Ngọc B.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Ngọc B và chị Nguyễn Thị Mai C tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 09/02/1995, đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh Nguyễn Ngọc B xác định nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày và công việc làm ăn có nhiều bất đồng quan điểm để xây dựng cuộc sống. Năm 2018 vợ chồng sống ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống hiện tại. Thấy rằng vợ chồng đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau, điều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc anh B xin ly hôn chị C là có căn cứ, đúng thực tế phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh B, xử cho anh Nguyễn Ngọc B được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai C.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 19/02/1996, Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/7/1998 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 10/3/2001. Cháu H đã xây dựng gia đình, cháu N và cháu T đang làm công nhân và tự lập được cuộc sống tại Hà Nội nên không đề nghị giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh Nguyễn Ngọc B phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc B được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai C.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc B và chị Nguyễn Thị Mai C có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 19/02/1996, Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/7/1998 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 10/3/2001. Cháu H đã xây dựng gia đình, cháu N và cháu T đang làm công nhân và tự lập được cuộc sống tại Hà Nội nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh Nguyễn Ngọc B không đề nghị giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh B đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0004576 ngày 08/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Anh B đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H
(vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh